

喰庵 ^{SUSHI} Kuan
JAPANESE RESTAURANT

優れた日越食文化を融合



📍 Add1: 72 Linh Lang St., Ba Dinh Dist., Hanoi
📍 Add2: 105A Van Phuc St., Ba Dinh Dist., Hanoi

☎ Phone: 096 456 23 45 | (024) 3762 0218
✉ Email: Nhahangsushikuan@gmail.com

📘 Facebook: @kuanjapaneserestaurant
🌐 Website: @sushikuan.vn

UMESHUU (PLUM WINE) - 梅酒 - RƯỢU MƠ



Glass ----- 90.000
(Roku/ Sodawari/ Mizuwari)
(with ice/ soda/ water)

Pot 300ml: ----- 290.000

BEER - ビール



Bia lon Kirin
105.000



Bia tươi Sapporo
58.000

SOFT DRINK - ソフトドリンク

Genmai cha 玄米茶 (瓶)
Trà gạo Nhật

Glass (Hot or Cold) ----- 18.000
Pot (Bình) ----- 80.000

Karupisu Soda (Glass) カルピスソーダ ----- 60.000
Nước sữa chua pha soda

Umeboshi Soda (Glass) 梅干しソーダ ----- 60.000
Mơ muối pha soda

Oolong cha (Glass) ウーロン茶 ----- 35.000
Trà Ô long (Hot or Cold)

Lavie お水 ----- 20.000

Coca cola コカ・コーラ ----- 25.000

Coca cola Light コカ・コーラライト ----- 25.000

Soda water 炭酸水 ----- 25.000

Seven up セブンアップ ----- 25.000

Lemon Sawa - サワー



Lemon Sawa 生レモンサワー ----- 90.000
(Shochu + soda + lemon)

Oolong Hai ウーロンハイ ----- 90.000
(Shochu + Oolong tea)

Cola Hai コーラハイ ----- 90.000
(Shochu + Coca)

Umeboshi Sawa 梅干しサワー ----- 120.000
(Shochu + pickled plum + soda)

Yuzu Sawa ゆず蜜サワー ----- 120.000
(Shochu + Citron + soda)

Juice - ジュース



西瓜ジュース
Watermelon - Nước dưa hấu

50.000

45.000

パッションフルーツジュース
Passion juice - Nước chanh leo

50.000

70.000



レモンジュース
Lemon juice - Nước chanh tươi

レモンソーダジュース
Lemon Soda juice - Nước chanh pha soda

55.000

オレンジジュース
Pure Orange juice - Nước cam tươi nguyên chất

オレンジジュース
Orange juice - Nước cam tươi

50.000





NIHON SHU - 日本酒 - Rượu Sake Nhật

久保田 萬寿
Kubota Manjyu

1986年に発売された『久保田 萬寿』。
発売以来、多くのお客様の特別な記念日を彩ってきました。
特長である“深みのある味わいと香りの調和”を追求。
華やかな香りと濃厚な味わいが重なり合い、
複雑で深みのある口当たりが広がる純米大吟醸酒
季節の行事を彩ってくれる特別な一杯です。

Rượu SAKE là loại rượu truyền thống của Nhật, được làm từ gạo lên men (koji) và nước. Cách uống rượu Sake có thể uống ở nhiệt độ phòng, hoặc nóng, hoặc lạnh tùy theo sở thích từng người. Nhưng thưởng thức Sake tuyệt vời nhất vẫn là uống lạnh.

酔心

Suishin Kiwami Junmai Sake
Alcohol: 15%
Prefecture: HIROSHIMA

Bottle 720ml: **990.000**



白鹿

Hakushika Kasen Sake
Alcohol: 14 - 15%
Prefecture: HYOGO
Bottle 720ml: **750.000**
Bottle 1800ml: **1.300.000**



鍋島

Nabeshima Junmai Ginjo
Alcohol: 15%
Prefecture: HIROSHIMA

Bottle 720ml: **2.180.000**



獺祭

Sake Dassai 39 Junmai Daiginjo
Alcohol: 16 - 17%
Prefecture: YAMAGUCHI
Bottle 720ml: **2.520.000**

Sake Dassai 23 Junmai Daiginjo
Alcohol: 16%
Prefecture: YAMAGUCHI
Bottle 1800ml: **6.200.000**



久保田 萬寿

Kubota Manjyu Junmai Daiginjo
Alcohol: 15%
Prefecture: NIIGATA

Bottle 720ml: **3.780.000**



七賢

Shichiken Junmai Daiginjo Sake
Alcohol: 15%
Prefecture: YAMANASHI

Bottle 720ml: **1.900.000**



松竹梅

Shochikubai Kyoto Junmai Sake
Alcohol: 13 - 14%
Prefecture: KYOTO

Bottle 300ml: **450.000**
Bottle 1800ml: **1.360.000**



久保田 千壽

Kubota Senjyu Ginjo Sake 15%
Alcohol: 15%
Prefecture: NIIGATA

Bottle 720ml: **1.390.000**
Bottle 1800ml: **2.860.000**



一ノ蔵

Ichinokura Tokubetsu Junmai Sake
Alcohol: 15%
Prefecture: MIYAGI

Bottle 720ml: **1.560.000**
Bottle 1800ml: **3.100.000**
Pot of Sake: **520.000**
(熱 / 冷)



さゆりにごり酒

Sayuri Nigori Sake

420.000
Bottle 300ml

生酒

Hakutsuru Nama Sake

290.000
Bottle 300ml

白鹿

Hakushika Kujuro Sake

350.000
Bottle 300ml



Rượu Sake Nhật bình lẻ

210.000
Pot of Sake
(熱 / 冷) 300ml



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT

ĐVT: Nghìn đồng Price Unit: Thousand Vietnam Dong

ボトル持ち込み料

Service Charge Bottle

Note: Your wine will be kept at our restaurant within 6 months

Bottle 1800ml ~ / Whisky: **500.000**
Bottle 720ml / Wine: **300.000**

焼酎 - SHOCHU

Shochu (しょうちゅう) là một loại rượu trắng của Nhật Bản, được lên men rồi chưng cất từ lúa mạch, khoai và gạo. Rượu thường có nồng độ cồn 25% - 35%. Cách uống Shochu sẽ tùy theo sở thích từng người mà có thể uống với đá, nước nóng hay với soda,....

赤霧島

Shochu Aka Kirishima
Alcohol: 25%
Prefecture: MIYAZAKI

Bottle 900ml: **990.000**
Bottle 1800ml: **1.800.000**
Glass: **99.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



だいやめ

Shochu Daiyame 25
Alcohol: 25%
Prefecture: KAGOSHIMA

Bottle 900ml: **1.210.000**
Glass: **129.000**
(Roku / Soda wari)



黒霧島

Shochu Kuro Kirishima
Alcohol: 25%
Prefecture: MIYAZAKI

Bottle 720ml: **790.000**
Bottle 1800ml: **1.400.000**
Glass: **90.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



天孫降臨

Shochu Kurokouji Tensonkorin
Alcohol: 25%
Prefecture: MIYAZAKI

Bottle 900ml: **890.000**
Glass: **99.000**
(Roku / Soda wari)



いいちこ

Shochu Iichiko
Alcohol: 25%
Prefecture: MIYAZAKI

Bottle 720ml: **990.000**
Glass: **110.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



中々

Shochu Nakanaka
Alcohol: 25%
Prefecture: MIYAZAKI

Bottle 720ml: **1.360.000**
Glass: **120.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



神の河

Shochu Kannoko
Alcohol: 25%
Prefecture: KAGOSHIMA

Bottle 720ml: **1.100.000**
Glass: **110.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)
耐ハイ chuuhai + **15.000**



兼八

Shochu Kanehachi
Alcohol: 25%
Prefecture: OOTA

Bottle 720ml: **1.760.000**
Glass: **129.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



キンミヤ焼酎

Shochu Kinmiya
Alcohol: 25%
Prefecture: MIE

Bottle 720ml: **730.000**
Glass: **90.000**
(Roku / Soda wari / Oyu wari)



Whisky ウイスキー



ジャパニーズクラフトジン
Suntory ROKU GIN

Glass (Haiboru/ Cola Haiboru) **120.000**
Bottle 700ml **1.700.000**

サントリー角瓶
The Classic SUNTORY "Kakubin"

Glass (Haiboru/ Cola Haiboru) **120.000**
Bottle 700ml **1.900.000**



ジャックダニエル
Jack Daniel's

Bottle 700ml **1.210.000**

ジンビーム
Jim Beam

Bottle 750ml **860.000**



マッカラン
Macallan 12 Double

Bottle 700ml **4.880.000**

バランタイン ファイネスト
Ballantines Finest

Bottle 700ml **1.100.000**



Haiboru (Whisky Highball) ハイボール



Haiboru
ハイボール
(Whisky + Soda + Lemon)
90.000

Cola Haiboru
コーラハイボール
(Whisky + Coca)
90.000



喰庵 ^{SUSHI} Kuan
JAPANESE RESTAURANT

刺身

| SASHIMI

SASHIMI

SM01 ボタンエビ (5匹)

Sashimi tôm mẫu đơn
Botan prawns sashimi 930



SM02 甘海老 (6匹)

Sashimi tôm ngọt
Sweet shrimp sashimi 420



SM03 刺身盛り合わせ (花)

Sashimi tổng hợp Hana
Assorted sashimi mix (Hana) 1.160



SM04 刺身と寿司盛り合わせ (梅)

Sashimi tổng hợp Ume
Assorted sashimi & sushi (Ume) 650



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
* 写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong



平目魚

SM05 Sashimi cá bon
Fluke fish sashimi 279



勘八

SM06 Sashimi cá cam
Yellowtail sashimi 279



鮪

SM07 Sashimi cá ngừ
Tuna sashimi 189



鮭

SM08 Sashimi cá hồi
Salmon sashimi 176



SM09 特上刺身盛り合わせ

Sashimi tổng hợp thượng hạng (cho 3 người)
Premium assorted sashimi platter (for 3) 1.860

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
* 写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

SM10 白身魚刺身盛り合わせ

Sashimi cá trắng tổng hợp
Assorted white fish sashimi 3 kinds 529



SM11 特選鮪 刺身盛り合わせ

Sashimi cá ngừ tổng hợp
Assorted tuna sashimi 899



SM12 竹刺身盛り合わせ

Sashimi tổng hợp 3 loại cá
Assorted sashimi 3 kinds (Take) 590



SM13 Sashimi cá tráp
Sea bream sashimi 289

鯛



SM15 Sashimi bụng cá cam
Yellowtail belly sashimi 379

カンパチトロ



SM17 Sashimi cá thu ngâm dấm
Vinalgrette mackerel sashimi 169

鯖



SM14 Sashimi viên cá bơn
Fluke fin fish sashimi 399

エンガワ



SM16 Sashimi sò dô
Surf clam sashimi 199

ホッキ貝

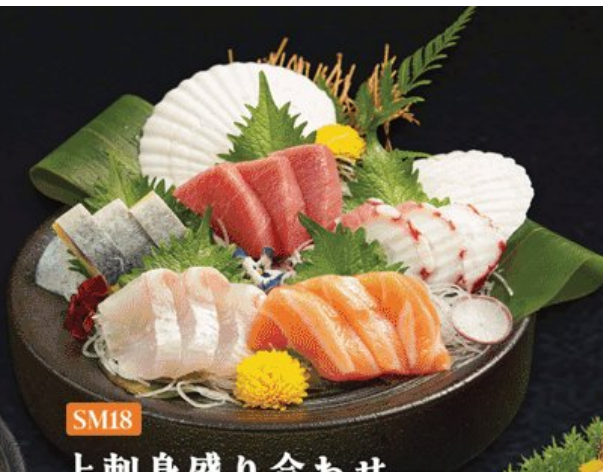
メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong



刺身盛り合わせ (A)

SM19 Sashimi tổng hợp A
Assorted sashimi A 1.129



SM18

上刺身盛り合わせ

Sashimi tổng hợp cao cấp
Special assorted sashimi (for 3) 689



刺身盛り合わせ (B)

SM20 Sashimi tổng hợp B
Assorted sashimi B 729



SM21 Sashimi bụng cá ngừ Nhật thượng hạng
Fatty bluefin tuna sashimi 790



生帆立

SM22 Sashimi sò điệp
Scallops sashimi 289



親子にしん

SM23 Sashimi cá trích ép trứng
Vinegared herring roe sashimi 189



サーモントロ

SM24 Sashimi bụng cá hồi
Salmon belly sashimi 189



蛸

SM25 Sashimi bạch tuộc
Octopus sashimi 189



いくら

SM26 Trứng cá hồi muối
Salmon roe 239



SM27 Sashimi mực
Squid Sashimi 229

烏賊



SM28 Gừng muối
Pickled ginger 20



SM29 Rong biển khô
Seaweed 40



SM30 Lá tía tô
Perilla 40

サラダ

| SALAD



SL01 海藻サラダ

Sa lát rong biển xanh đỏ Tosaka |
Japanese seasoned salad |

179



SL02 海老アボカドサラダ

| Sa lát tôm nướng với quả bơ
| Grilled shrimp with avocado salad

279



SL03 シーザー温玉のせサラダ

| Sa lát caesar
| Caesar salad

129



SL04 チキンサラダ

| Sa lát thịt ức gà
| Caesar salad with sliced chicken fillet

169



SL05 カニコサラダ

| Sa lát rong biển trộn trứng cá chuẩn
| Kaniko salad

129



SL06 塩漬けサーモンサラダ

| Sa lát rau rocket với cá hồi muối
| Salmon with rocket salad

179



SL07 ほうれん草サラダ

| Sa lát rau bina (cải bó xôi)
| Spinach salad

129



SL08 キノコサラダ

| Sa lát nấm
| Mushroom salad

139



SL09 野菜サラダ

| Sa lát rau tổng hợp
| Mixed green salad

96



SL10 中華わかめ

| Sa lát rong biển tảo
| Seasoned sesame seaweed

89

SL11 サーモンアボカドサラダ

Sa lát cá hồi với quả bơ
| Salmon with avocado salad

169



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
* 写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong



SU01 サバ酢

| Cá saba rong biển trộn sốt chua
| Vinaigrette Mackerel sunomono

78

酢 の 物

SALAD RONG
BIỂN TRỘN
SỐT CHUA

SU02 海老酢

| Tôm và rong biển trộn sốt chua
| Shrimp sunomono



88

SU03 蛸酢

| Bạch tuộc rong biển trộn sốt chua
| Octopus sunomono



88

SU04 しらす酢

| Cá cơm rong biển trộn sốt chua
| Whitebait sunomono



88

Sunomono là món ăn làm từ dưa chuột, rong biển là nguyên liệu chính trộn với dấm chua (Su) kết hợp với các loại hải sản tôm, cá,... mang lại sự mới mẻ và lạ miệng kích thích vị giác của thực khách.

SU05 ホッキ貝酢

| Sò đỏ rong biển trộn sốt chua
| Surf clam sunomono



78

SU06 わかめきゅうり酢

| Rong biển và dưa chuột trộn sốt chua
| Cucumber seaweed salad



58

おつまみ物

I MÓN KHAI VỊ

OT01 塩炒り銀杏

Bạch quả rang muối
Roasted ginkgo nuts in salt

78



OT02 鶏むね肉のキノコクリームソース

Ức gà nướng sốt nấm
Roasted chicken breast
with mushroom sauce

159



OT03 鴨ロースと赤ワインソース

Lườn vịt sốt rượu vang đỏ
Smoked duck breast

149



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

前菜3点盛り合わせ



OT04 Món chua khai vị
Appetizers dishes

129

(おすすめ)

OT05 Thịt hầm xá xiu
Braised pork



79

チャーシュー盛り

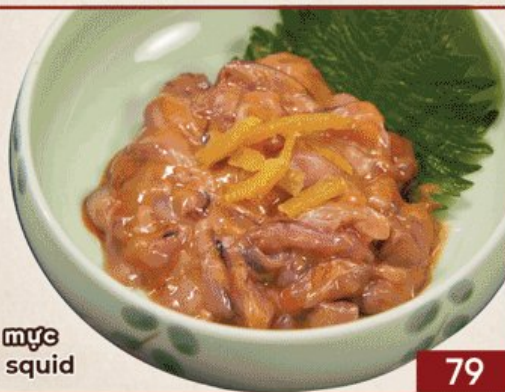
たこわさび



OT06 Bạch tuộc muối mù tạt
Marinated raw octopus with wasabi

79

OT07 Mắm mực
Fermented squid



79

いか塩辛

マグロユッケ



OT08 Cà ngư trộn sốt zuke
Tuna tartare

149

OT09 Há cảo nướng
Grilled dumplings



78

焼き餃子

ネギとマグロのめた



OT10 Cá ngư trộn sốt nuta
Tuna mix miso sauce

119

OT11 イカゲソ又はホッキ貝
Râu mực/sò đỏ trộn nuta



OT12 Cà tím nướng
Grilled eggplant

69

焼きナス

枝豆



OT13 Đậu lông luộc
Boiled green bean

59



OT14 Vây cá nướng
Grilled skate fin

129

焼きエイヒレ

アスパラ胡麻和え



OT15 Măng tây trộn sốt vừng
Asparagus with sesame sauce

69

OT16 アスパラゆで
Măng tây hấp | Asupara yude



OT17 Cá cơm trộn củ cải mài
Whitebait with grated daikon radish

79

しらすおろし

明太チーズのだし巻き卵



OT18 Trứng cuộn phô mai trứng cá tuyết
Rolled Omelette with mentai cheese

159



OT19 Đậu phụ chiên kiểu Nhật
Deep-fried tofu

69

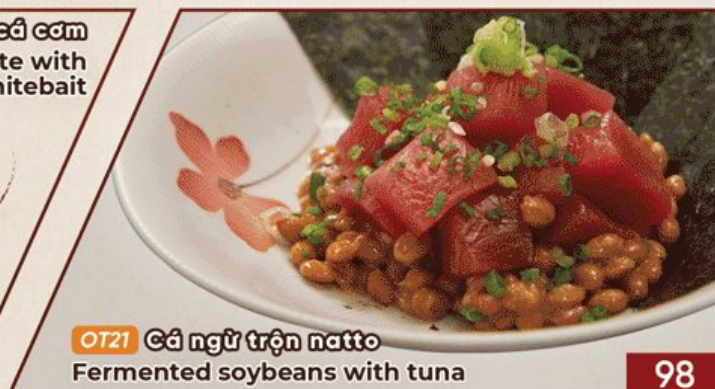
揚げ出し豆腐

しらすだし巻き卵



OT20 Trứng cuộn cá cơm
Rolled Omelette with Japanese whitebait

159



OT21 Cá ngừ trộn natto
Fermented soybeans with tuna

98

マグロ納豆

だし巻き卵



OT22 Trứng cuộn kiểu Nhật
Japanese Rolled Omelette

79



OT23 Mực tươi trộn natto
Fermented soybeans with squid

98

イカ納豆

和牛たたき



OT24 Bò Nhật nướng tái kèm sốt chua
Japanese-style Wagyu beef cold with ponzu

359



OT25 Râu mực nướng
Grilled squid tentacles

119

いかげそ焼き

冷奴



OT26 Đậu phụ lạnh
Cold tofu

59

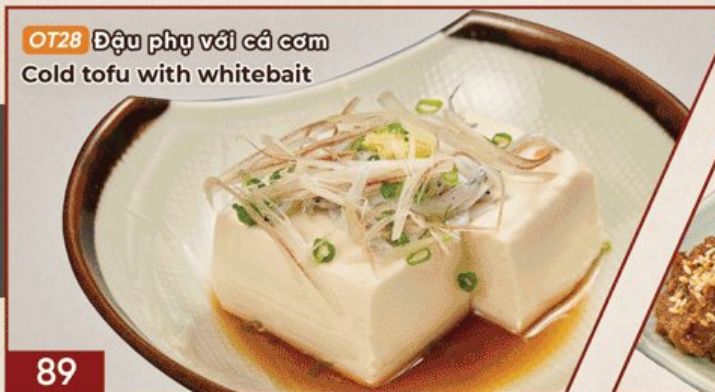
ピリ辛奴



OT27 Đậu phụ lạnh sốt cay
Cold tofu with spicy sauce

79

しらす奴



OT28 Đậu phụ với cá cơm
Cold tofu with whitebait

89

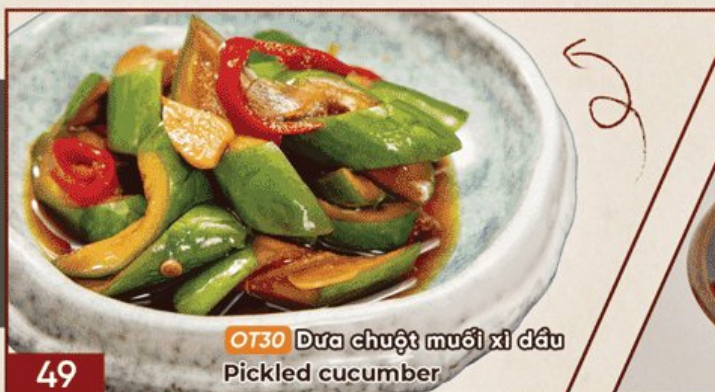
胡瓜の肉味噌



OT29 Dưa chuột chấm sốt miso
Cucumber with Miso Dip

59

胡瓜醬油漬け



OT30 Dưa chuột muối xì dầu
Pickled cucumber

49

海老マヨ



OT31 Tôm sú sốt mayo
Fried shrimp in mayo

139

カワハギ



OT32 Cá bò khô nướng
Grilled file fish

69

いか明太和え



OT33 Mực trộn sốt mental
Squid with spicy cod roe

88

茶碗蒸し



Trứng hấp kiểu Nhật
Steamed egg custard

OT34 フォアグラ
Can ngỗng
188

OT35 イクラ
Trứng cá hồi
118

OT36 海鮮
Hải sản
55

イカさつま揚げ



OT37 Chả mực nướng
Fried fish cakes

109

焼き物

| MÓN NƯỚNG



YK01 フォアグラスステーキ

Gan ngỗng Pháp kèm bánh mì
Pan-fried foie gras



388

YK02 牛カルビ焼肉

Thịt sườn bò Mỹ nướng
Grilled beef short ribs



289

YK03 黒毛和牛ステーキ

Thịt bò Kuroge Wagyu nướng trên đá muối
Grilled black Wagyu beef steak

980

"Vua" thịt bò đen Kuroge Wagyu tại
vương quốc chăn nuôi Kumamoto.



Vùng Kumamoto – nơi được thiên nhiên ưu đãi với môi trường tự nhiên tươi xanh, phong phú, nguồn nước và khí hậu trong lành, chúng tôi chăm sóc và nuôi dưỡng Bò Kuroge Wagyu với tình yêu và sự tận tâm. Đặc biệt trong đó, chúng tôi xin được gửi đến bàn ăn của Quý vị "Thịt bò Kumamoto Kuroge Wagyu cao cấp 'WAOH' ", loại thịt bò với chất lượng cao cấp, cảm giác mềm mại, tan chảy và hương vị đậm đà, vị ngọt tự nhiên.

YK04 鮭かぶと塩焼き・明太焼き

| Đầu cá hồi nướng muối/Trứng cá tuyết
| Salt or mentai sauce grilled salmon head
159 / 179



YK05 鮭塩焼き / 味噌焼き

| Cá hồi nướng muối hoặc ướp miso nướng
| Grilled salmon **149**



YK06 ししやも

| Cá trứng nướng
| Grilled capelin fish **99**



YK07 甘鯛一夜干し焼き

| Cá đồng quê một nắng nướng
| Grilled dried tilefish **169**



YK08 サバ塩焼き

| Cá thu nướng
| Grilled mackerel **149**



YK09 秋刀魚塩焼き

| Cá thu đao nướng
| Grilled pacific saury **129**



YK10 鮭バター焼き

| Cá hồi nướng sốt bơ xì dầu
| Grilled salmon butter soysauce **169**



YK11 イカ姿焼き

| Mực tươi nướng sốt sugata
| Grilled whole squid **169**





YK12 イカ塩焼き
Mực tươi nướng nguyên con
Grilled squid with salt **159**



YK13 イカ一夜干し焼き
Mực một nắng nướng
Grilled dried squid **139**



YK14 マナガツオ幽庵焼き
Cá chim ướp sốt nướng
Grilled silver pomfret **179**



YK15 北海道ほっけ一夜干し
Cá hokke vùng Hokkaido một nắng
Grilled Hokkaido Atka mackerel **239**



YK16 銀だら味噌焼き
Cá tuyết ướp miso nướng
Grilled miso black cod **329**



YK17 おぎま串 (2本)
Thịt gà xiên nướng
Grilled chicken skewers **89**



YK18 和牛ステーキ
Thịt bò đen nướng steak
Grilled Wagyu steak **689**



YK19 プリカマ塩焼き / 明太焼き
Mang cá Buri nướng hoặc
ướp sốt trứng cá tuyết nướng
Grilled salt yellowtail collar **189/229**



YK20 牛タンの塩焼き
| Lưỡi bò nướng
| Grilled beef tongue with salt
129



YK21 鰻蒲焼
| Lươn Nhật nướng
| Roasted eel
229



YK22 帆立バター焼き
| Sò điệp nướng sốt hạnh nhân
| Pan-fried scallop butter sauce
189



YK23 サイコロステーキ
| Thăn bò Mỹ nướng
| Grilled US top blade
229



YK24 焼き明太子
| Trứng cá tuyết nướng
| Grilled spicy cod roe
169



YK25 鶏もも柚子こしょう焼き
| Thịt gà ướp sốt yuzu nướng
| Grilled chicken with yuzu sauce
129

*Thịt đùi gà hoặc ức gà



YK26 豚トロ味噌焼き
| Thịt lợn ướp miso nướng
| Grilled fatty pork with miso sauce
89



YK27 鳥軟骨味噌焼き・塩焼き
| Sụn gà nướng miso/nướng muối
| Grilled chicken cartilage
69



YK28 鶏手羽先こしょう焼き
| Cánh gà nướng - 3 pcs
| Grilled chicken wings (3 pcs)
88



YK29 お好み焼き
| Bánh xèo kiểu Nhật
| Japanese pancake
149

G01 イカリングフライ

| Mực chiên vòng
| Deep fried squid rings



129

G02 海鮮クリームコロッケ

Bánh kem nhân hải sản viên chiên |
Deep fried seafood croquettes |



89

G03 豚カツ

| Thăn lợn chiên xù
| Fried pork cutlet



109

G04 牡蠣フライ (3個)

| Hàu chiên (3 con)
| Deep fried Oyster



99

G05 甘海老から揚げ

| Tôm ngọt chiên
| Deep fried sweet shrimp



109

揚げ物

| MÓN CHIÊN

G06 鳥から揚げ

Gà chiên kiểu Nhật |
Japanese fried chicken |



89

G07 和牛カツ

Thịt sườn bò chiên xù |
Deep fried beef cutlet |



189

G08 手羽元から揚げ

Đầu cánh gà chiên |
Deep fried chicken drummet |



79

G09 鳥軟骨から揚げ

| Sụn gà chiên
| Deep fried chicken cartilage



89

G10

天ぷら盛り合わせ

TEMPURA TỔNG HỢP

Assorted seafood, vegetables tempura

189

G11

サツマイモとエノキ天ぷら

TEMPURA KHOAI VÀ NẤM KIM

Sweet potato with enoki mushroom tempura

139

G12

アスパラとキノコ天ぷら

TEMPURA MĂNG TÂM VÀ NẤM

Asparagus with mushroom tempura

99

G13

サツマイモとアスパラ天ぷら

TEMPURA KHOAI VÀ MĂNG TÂM

Sweet potato with asparagus tempura

139

G14

穴子天ぷら

TEMPURA LƯƠN BIỂN

Fresh sea-water eel tempura

290

G15

キス天ぷら (3個)

TEMPURA CÁ BÔNG

Japanese whiting tempura (3pcs)

89

G16

ソフトシェルクラブ天ぷら

TEMPURA CUA BẮN

Soft-shell crab tempura

280

G17

野菜天ぷら

| Tempura rau

| Assorted vegetables tempura

129

G18

海老天ぷら

| Tempura tôm

| Shrimp tempura (3pcs)

149

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
 *写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng

Price Unit: Thousand Vietnam Dong

炒め物

MÓN XÀO

101 もやしとベーコン炒め

| Thịt hun khói xào giá đỗ
| Stir-fried bean sprout with bacon
95



102 アスパラとキノコ炒め

| Măng tây xào nấm
| Stir-fried asparagus with mushroom
129



103

肉野菜炒め

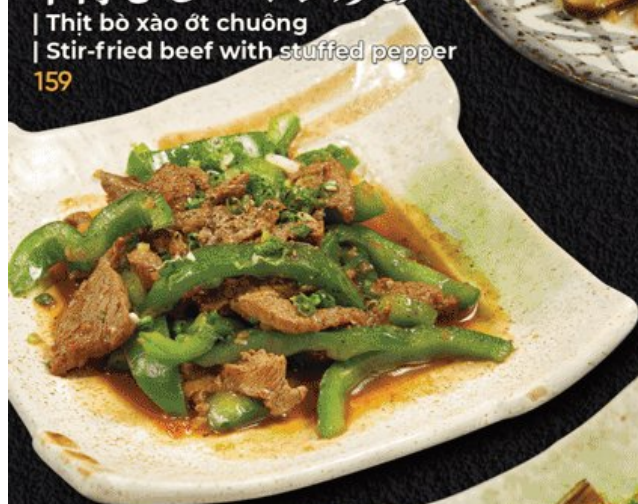
| Rau xào kiểu Nhật
| Stir-fried assorted vegetables
99



104

牛肉とピーマン炒め

| Thịt bò xào ớt chuông
| Stir-fried beef with stuffed pepper
159



106

ホタテとアスパラ炒め

| Sò điệp xào măng tây
| Stir-fried scallops with asparagus
239



105

ナス味噌炒め

| Cà tím xào xốt miso
| Stir-fried miso eggplant
95



107

キノコ炒め

| Nấm xào tổng hợp
| Stir-fried mixed mushroom
95



108

海鮮とアスパラ炒め

| Hải sản xào măng tây
| Stir-fried seafood with asparagus
129

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

館庵 ^{SUSHI} Kuan
JAPANESE RESTAURANT

寿司

| Sushi



花寿司盛り合わせ SS01

Sushi tổng hợp Hana
Hana sushi mix

329



SS02 上寿司盛り合わせ

Sushi tổng hợp đặc biệt
Jou sushi mix

349



SS04 菊寿司盛り合わせ

Sushi tổng hợp Kiku
Kiku sushi mix

389



禅寿司盛り合わせ SS03

Sushi tổng hợp Zen
Zen sushi mix

219



本マグロ握り盛り合わせ SS05

Sushi ba loại cá ngừ
Special tuna sushi

439



炙り寿司盛り合わせ

SS06 Sushi nướng qua lửa
Seared sushi mix

249

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

SS07 特上寿司盛り合わせ

Sushi tổng hợp thượng hạng
Premium sushi mix 489



SS08

とびっこ軍艦 119
Trứng cá chuẩn

SS09

いくら軍艦 119
Trứng cá hồi

SS10

花いくら軍艦寿司 139
Trứng cá hồi đặc biệt

SS11

花とびっこ軍艦寿司 139
Trứng cá chuẩn đặc biệt

SS12 大トロ握り

Bụng cá ngừ thượng hạng 229

SS13 中トロ握り

Bụng cá ngừ phần giữa 189

SS14 鯖握り

Cá thu ngămดำ 69

SS15 帆立握り

Sò điệp 99

SS16 蛸握り

Bạch tuộc 69

SS17 鮭握り

Cá ngừ 69

SS18 鰻握り

Lươn 89

SS19 ホッキ貝握り

Sò đỏ 69

SS20 蒸し海老握り

Tôm sú hấp 89

SS21 玉子握り

Trứng ngọt 49

SS22 月寿司盛り合わせ

Sushi tổng hợp Tsuki
Tsuki sushi mix 249



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

SS23

炙りサーモン握り 89
Cá hồi khô qua lửa Seared salmon

SS25

黒海老握り 119
Tôm vân biến Tiger prawn

SS24

ネギトロ軍艦 210
Nem cá ngừ Fatty tuna

SS26

平目握り 119
Cá bon Hirame (Halibut)

SS27

サーモントロ握り 69
Bụng cá hồi Salmon toro

SS28

鯛握り 69
Cá tráp Sea bream

SS29

烏賊握り 69
Mực Squid

SS30

鮭握り 69
Cá hồi Salmon

SS31

勘八握り 119
Cá cam Yellowtail

SS33

ネギトロ手巻き 210
Nem cá ngừ cuộn tay Fatty tuna hand roll

SS32

サーモンイクラ手巻き 129
Cá hồi trứng cá cuộn tay Salmon hand roll

SS34

いくら手巻き 119
Trứng cá hồi cuộn tay Salmon roe hand roll

SS35 Cuộn cá hồi chín qua lửa
Seared salmon with avocado roll

179

鮭炙りアボカドロール

海鮮ロール

SS36 Cuộn cá tổng hợp
Dragon roll

189

鮭アボカドロール

SS37 Cuộn cá hồi với quả bơ
Salmon with avocado roll

169

鰻アボカドロール

SS38 Cuộn lươn và quả bơ
Eel with avocado roll

189

鰻スペシャルロール

SS39 Cuộn lươn đặc biệt
Special eel roll

229

マグロアボカドロール

SS40 Cuộn cá ngừ với quả bơ
Tuna with avocado roll

179

メニューの価格にはVATは含まれていません。 Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。 Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong



SS41 Cuộn cua bảy
Soft-shell crab roll

259

ソフトシェルクラブロール

スパイシーツナロール

カリフォルニア細巻き

太巻き(5貫)

SS42 (a)
Cuộn cá ngừ sốt cay
Spicy tuna avocado roll **199**

SS42 (b)
Cuộn cá hồi sốt cay
Spicy salmon avocado roll **199**

SS43
Cuộn California 6 miếng / 8 miếng
California slender roll **149** **199**

SS44
Cuộn lớn tổng hợp
Special thickly roll **139**

6貫 / 8貫

海老天口ロール

SS45 Cuộn tôm chiên tempura
Shrimp tempura roll **139**

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
※写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong



SS46 かっぱ巻き

Cuộn dưa chuột
Cucumber roll

79



SS47 トロたく巻き

Cuộn cá ngừ với takuwan
Tuna toro & radish roll

169



SS48 イカ納豆巻き

Cuộn mực với natto
Squid with natto roll

99



SS49 かんぴょう巻き

Cuộn dây bầu
Dried gourd shavings

79



SS50 鉄火巻き

Cuộn cá ngừ
Tuna roll

89

中トロ鉄火巻き SS51

Cuộn cá ngừ [phần bụng]
Medium fatty tuna roll

189



SS52 鮭巻き

Cuộn cá hồi
Salmon roll

79



SS53 明太かっぱ巻き

Cuộn trứng cá tuyết với dưa chuột
Cucumber with spicy roe roll

139



SS54 サーモンとびっこ天巻き

Cuộn sushi chiên
Sushi roll tempura

119

SS55 エビマヨ巻き

Cuộn tôm mayo
Shrimp mayo roll

89

SS57 アボカド巻き

Cuộn bơ sáp
Avocado roll

79

SS59 梅しそ巻き

Cuộn mơ muối
Pickled plum sushi roll

89

SS56 お新香巻き

Cuộn củ cải vàng
Pickles radish roll

69

SS58 納豆巻き

Cuộn đậu tương lên men
Fermented soybean roll

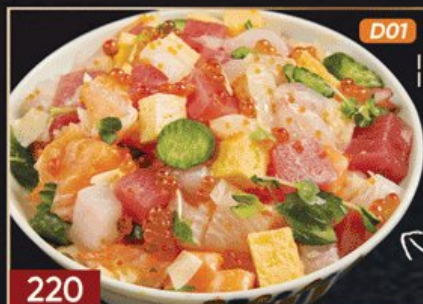
69

SS60 いなり寿司

Sushi nấu vỏ đậu ngọt
Fried bean curd

59

丼物 | RICE BOWL | CƠM CÁ SASHIMI



D01 パラちらし丼

| Cơm hải sản sắc màu
| Sushi rice small bowl
with seafood

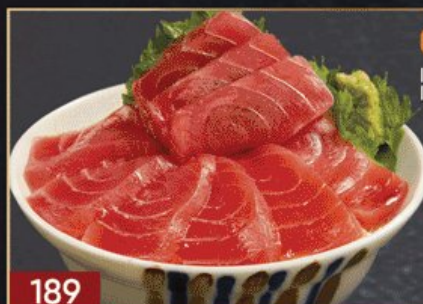
220



D02 海鮮納豆丼

| Cơm hải sản trộn đậu
tương natto
| Seafood and fermented
soy bean rice bowl

189



D03 鉄火丼

| Cơm cá ngừ thái lát
| Tuna sashimi rice bowl

189



D04 サーモンとホタテの漬け丼

| Cơm sò điệp phủ cá hồi ngâm xì dầu
| Salmon with Scallops soy marinated sauce rice bowl

249



D05 サーモンの漬け丼

| Cơm cá hồi ngâm xì dầu
| Salmon soy marinated rice bowl

226



D06 サーモン炙り丼

| Cơm cá hồi chín qua lửa
| Seared salmon rice bowl

199



D07 サーモンイクラ丼

| Cơm cá hồi thái lát và trứng cá
| Salmon rice bowl

189



D08 マグロ三色丼

| Cơm cá ngừ thượng hạng đặc biệt
| Special tuna belly rice bowl

590



D09 海鮮丼

| Cơm hải sản tổng hợp
| Special seafood rice bowl

230

マグロ納豆丼 D10

199 | Cơm cá ngừ trộn đậu tương natto
| Tuna and fermented soy bean rice bowl

マグロ漬け丼 D12

189 | Cơm cá ngừ ngâm xì dầu
| Tuna soy-sauce rice bowl

勘八漬け丼 D11

249 | Cơm cá Cam ngâm xì dầu
| Yellowtail soy-sauce rice bowl

三色炙り丼 D13

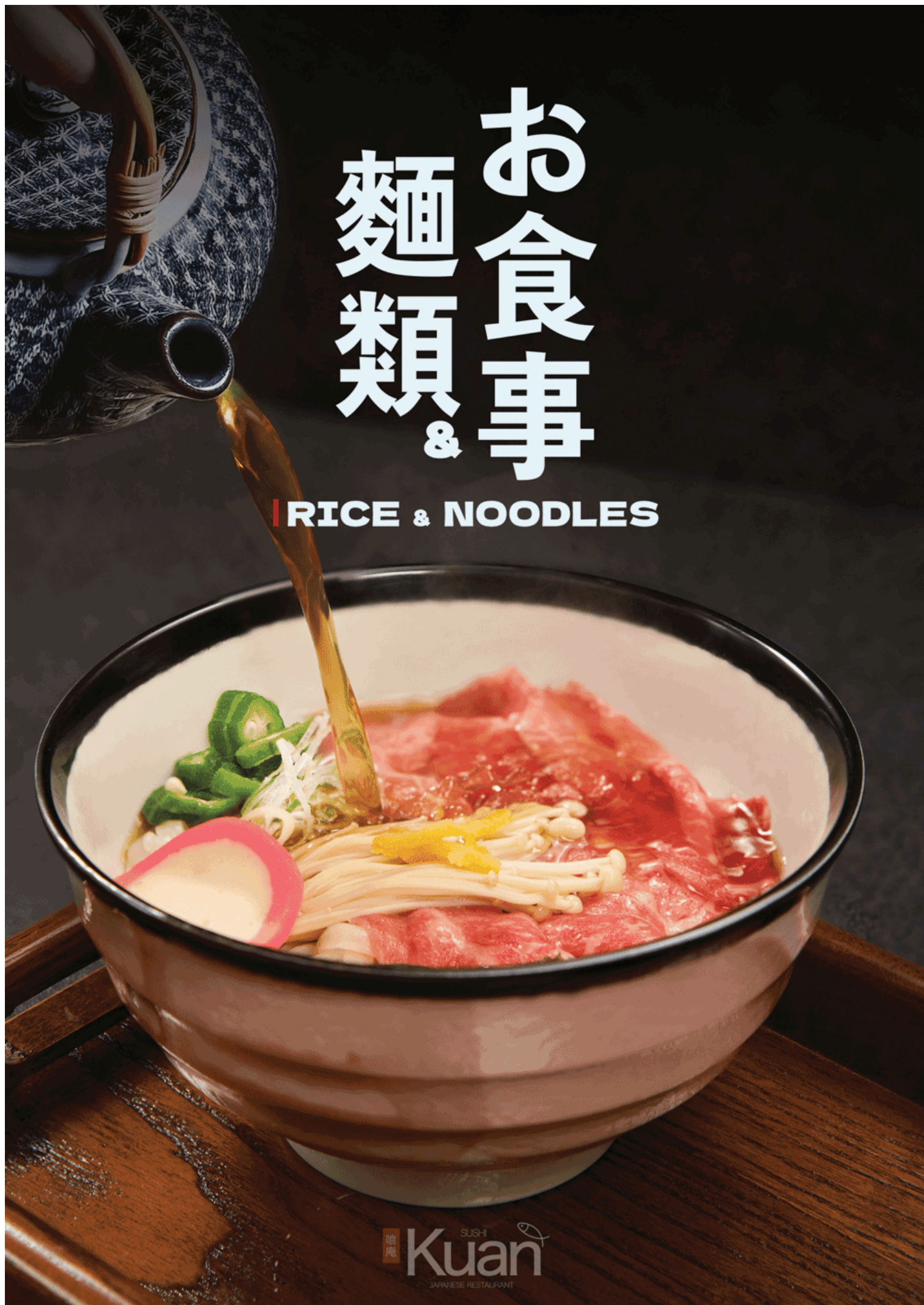
229 | Cơm ba loại cá chín qua lửa
| Three-color rice bowl

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

DVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

お食事 麺類 &

| RICE & NOODLES



麺 | MỠ

W01 Mi udon/soba (kiểu mạch) nóng

Hot udon / buckwheat noodles 129

W02 Mi udon/soba lạnh

Cold udon / buckwheat noodles 119

かけうどん又はそば

W04 Mi cà ri udon/soba

Curry udon / soba noodles 159

W05 Mi cà ri udon với thịt lợn tẩm bột chiên

Curry udon noodles with pork cutlet 179

カレーうどん/そば

W03 Mi udon/lẩu nhỏ

Noodles soup with chicken, tempura, egg & vegetables in hotpot

鍋焼きうどん

209

W06 Mi udon/soba nóng với tempura

Hot udon / soba with tempura 179

W07 Mi udon/soba lạnh với tempura

Cold udon / soba with tempura 199

天ぷらうどん/そば

W08 Mi udon/soba xào

Stir-fried noodles with seafood or beef

焼きうどん/そば

189

W10

和牛しゃぶしゃぶうどん / US 牛肉うどん

Mi udon thịt bò Nhật 489

Mi udon thịt bò Mỹ 189

W09 Mi ramen (miso/xì dầu/xương hám)

Ramen (miso / soy sauce / pork bone)

ラーメン (味噌/醤油/豚骨)

159



お食事

MÓN CƠM

CƠM NƯỚNG NỒI ĐÁ RICE TOPPED IN HOT STONE BOWL

W20 a Lươn
*With roasted eel *うなぎ

W20 b Thịt bò
*With beef *牛肉

W20 c Cá hồi
*With seared salmon *鮭

279



メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

お茶漬け(鮭/梅/明太)

W21

Cơm chan trà xanh

Japanese Rice Soup with Green tea

119

W22

Cơm rang với tôm

Shrimp fried rice

169

W24

おにぎり(鮭/梅/明太子)

Cơm nắm

Rice balls (with salmon/plum/cod roe)

59

W25

焼きおにぎり(明太子/鮭)

Cơm nắm nướng

Grilled rice balls (with cod roe/salmon)

69

W27

Cơm thịt sườn bò nướng

Grilled Beef Short Ribs rice bowl

310

カルビー重

W23

Cơm rang hải sản

Seafood fried rice

139

W26

Cơm rang tỏi

Garlic fried rice

119

W28

**Cơm rang cá hồi
với trứng cá chuẩn**

Salmon fried rice

169

鮭ととびっちらん

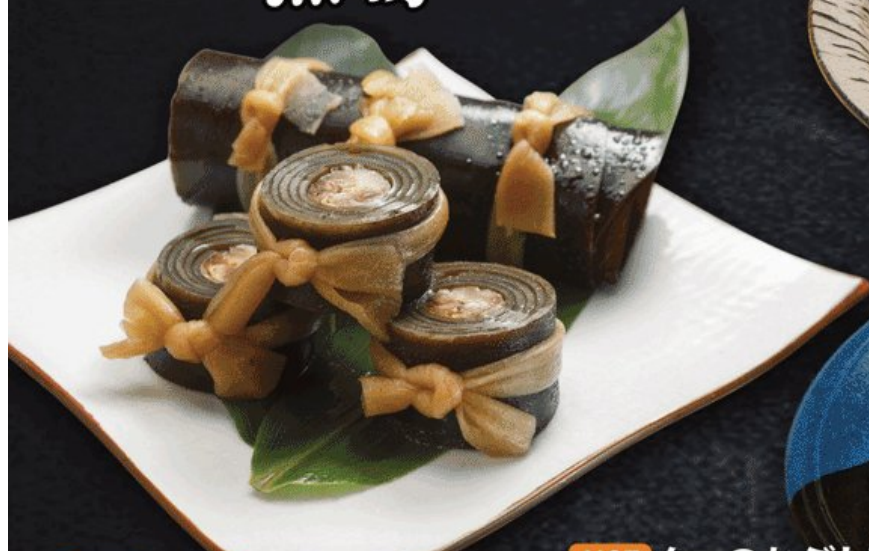
エビチャーハン

メニューの価格にはVATは含まれていません。Giá trong menu chưa bao gồm VAT
*写真はイメージです。Hình ảnh mang tính chất minh họa

ĐVT: Nghìn đồng
Price Unit: Thousand Vietnam Dong

NIMONO MÓN KHO

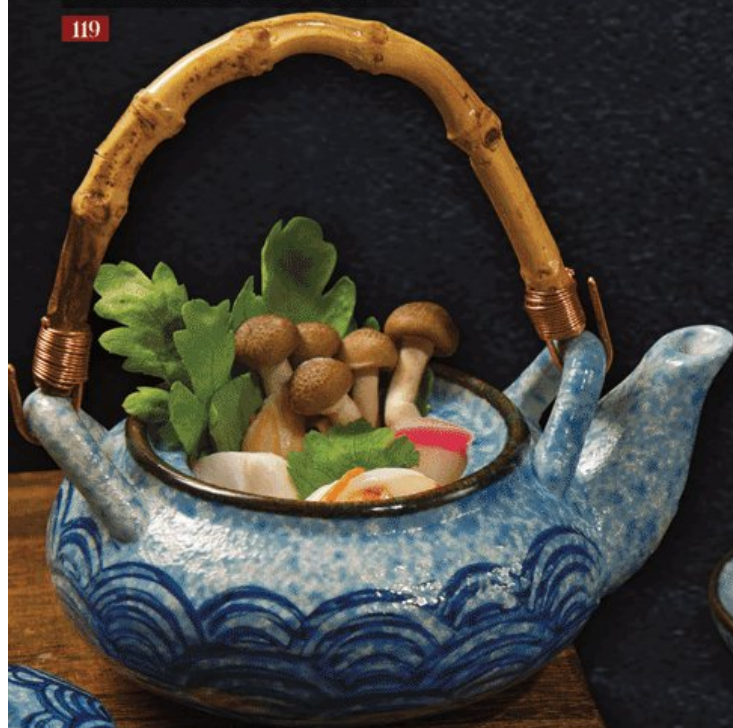
- 煮物 -



H02 サーモンの昆布巻き煮

Lá rong biển cuộn cá hồi kho
Simmered kombu seaweed roll

119



H05 土瓶蒸し

Súp hải sản
Seafood broth steamed in teapot

120



H01 牛すじ味噌煮

Gân bò kho miso
Beef tendon stewed

119



H03 クエのかぶと煮

Dầu cá song kho
Simmered grouper fish head

160



H04 サーモンのかぶと煮

Dầu cá hồi kho
Simmered salmon head

149



H06 Súp miso rong biển
Seaweed miso soup

28

H07 Súp trứng
Japanese style egg & seaweed soup

65



H08 Súp cá nấu miso đỏ
Red miso soup

69

DESSERT - MÓN TRÁNG MIỆNG

デザート



Matcha Ice cream

抹茶アイスクリーム
Kem trà xanh Meiji

56.000

Vanilla Ice cream

バニラアイスクリーム
Kem Vani Meiji

56.000

Yuzu Ice cream

柚子アイスクリーム
Kem tắc Nhật

56.000

Grape rum Ice cream

グレープアイスクリーム
Kem rượu rum với nho khô

56.000



Mochi Yukimi Daifuku

アイスクリーム大福
Mochi nhân kem vani

46.000

Mochi Matcha Yukimi Daifuku

抹茶大福
Mochi nhân kem trà xanh

26.000



Mix Fruit (Seasonal) 季節のフルーツ

Đĩa hoa quả (Theo mùa)

300.000

Japanese Melon 日本メロン

Dưa lưới Nhật

96.000/miếng|pcs

Zabon Fruit ザボン

Bưởi

200.000